

- Cai'ov: TC, K01, Cui Thuc, MNVN
- Cty TNHH MTV X0' 55' Kien Thiet HYN
- VP: LOVP; CV: C01.

(4)

10/5-11/00

UBND TỈNH HUNG YÊN
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11/TT-STC

Hung Yên, ngày 11 tháng 7 năm 2018

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính của
Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Hưng Yên

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN	
Số: 11/TT-STC	
Ngày: 11/7/2018	
Chuyên: 8. Quản lý	
Lưu hồ sơ:	

Trần Thuận
Ký, tên, hợp pháp

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 30/2007/NĐ-CP ngày 01/3/2007 của Chính phủ quy định về kinh doanh xổ số;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ quy định về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số; Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ quy định về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 138/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số khoản chi đặc thù đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số quy định tại Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số; Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1881/QĐ-UBND ngày 31/8/2016 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính;



Thực hiện Công văn số 1912/UBND-TH ngày 10/7/2018 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc Quy chế quản lý tài chính của Công ty TNHH một thành viên Xô số kiến thiết Hưng Yên,

Sở Tài chính báo cáo UBND tỉnh như sau:

Căn cứ quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 42 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ: Cơ quan đại diện Chủ sở hữu ban hành Quy chế tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước do cơ quan đại diện Chủ sở hữu quyết định thành lập.

Sau khi xem xét đề nghị của Công ty TNHH một thành viên Xô số kiến thiết Hưng Yên tại Tờ trình số 07/TTr-XSKT ngày 29/6/2018 và nghiên cứu nội dung Quy chế quản lý tài chính của Công ty TNHH một thành viên Xô số kiến thiết Hưng Yên, Sở Tài chính trình UBND tỉnh Phê duyệt ban hành Quy chế quản lý tài chính của Công ty TNHH một thành viên Xô số kiến thiết Hưng Yên gồm 7 Chương và 34 Điều (*có dự thảo quy chế quản lý tài chính kèm theo*).

Sở Tài chính kính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc; các Phó Giám đốc;
- Lưu: VT; TCDN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Thị Lý

DỰ THẢO

QUY CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT TỈNH HƯNG YÊN (Kèm theo Tờ trình số 04/Tr-STC ngày 11/7/2018 của Sở Tài chính)

Chương 1

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc đầu tư vốn nhà nước vào Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Xổ số kiến thiết Hưng Yên (gọi tắt là Công ty); việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản vào hoạt động kinh doanh, quản lý doanh thu và chi phí, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ của Công ty.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người đại diện Chủ sở hữu Công ty trực tiếp tại Công ty.
2. Người quản lý Công ty trong việc quản lý, sử dụng vốn, tài sản vào hoạt động kinh doanh của Công ty.
3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý tài chính

- Nguyên tắc chung trong quản lý thu chi: Mọi hoạt động thu, chi phải được quản lý chặt chẽ, phải tuân thủ theo quy định của pháp luật và của Công ty; các khoản thu, chi phải đảm bảo đúng đối tượng, đúng chế độ quy định về phân cấp, quy trình, thủ tục, định mức, hoá đơn, chứng từ, hồ sơ lưu trữ và thanh toán. Bộ phận, cá nhân lập chứng từ thu - chi không, không đúng quy định và người quyết định thu, chi sai chế độ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi hoàn thiệt hại.

- Công ty thực hiện theo các quy định về quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty (Điều lệ công ty).

- Công ty thực hiện theo nguyên tắc quản lý tài chính tập trung theo các quy định của pháp luật và các quy chế đã ban hành.

- Công ty chịu sự kiểm tra, giám sát về mặt tài chính của các cơ quan quản lý nhà nước, Kiểm soát viên theo quy định pháp luật, nội dung quy định trong Điều lệ công ty và Quy chế này.

Điều 4. Quyền quản lý tài chính của Công ty

- Sử dụng vốn của Công ty để phục vụ các nhu cầu về sản xuất kinh doanh theo nguyên tắc bảo toàn vốn và sinh lời.

- Nhượng bán hoặc cho thuê những tài sản không còn phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh và thanh lý tài sản đã hết giá trị sử dụng theo quy định Nhà nước và Điều lệ công ty.

- Quyết định và phân phối lợi nhuận theo quy định hiện hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước; lập và sử dụng các quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.

- Công ty trực tiếp vay vốn ngân hàng, các tổ chức tín dụng hoặc bảo lãnh, ủy quyền cho các đơn vị trực thuộc được quan hệ trực tiếp với ngân hàng.

- Công ty có các quyền khác về tài chính theo Điều lệ công ty và theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 5. Nghĩa vụ quản lý tài chính của Công ty

- Thực hiện đúng chế độ về quản lý vốn, tài sản, thực hiện trích và sử dụng quỹ theo quy định; hạch toán, thống kê, kế toán, chế độ kiểm toán và các chế độ khác do pháp luật và Điều lệ công ty quy định; chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính trung thực về số liệu trong báo cáo tài chính của Công ty.

- Bảo toàn và phát triển vốn theo Khoản 1 Điều 22 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

- Công bố công khai các thông tin và báo cáo tài chính hàng năm theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật có liên quan.

- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

Chương II

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN

Điều 6. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ là mức vốn cần thiết được Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên (Chủ sở hữu) đầu tư và phê duyệt, để thực hiện nhiệm vụ kinh doanh của Công ty, được ghi tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

2. Trong quá trình hoạt động, Công ty có nhu cầu tăng vốn điều lệ; căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược phát triển mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh 05 năm được phê duyệt và nguồn bổ sung vốn điều lệ, Công ty lập phương án trình Chủ sở hữu xem xét, phê duyệt theo quy định của pháp luật (Mức vốn điều lệ điều chỉnh tăng thêm được xác định tối thiểu cho 03 năm kể từ năm quyết định điều chỉnh vốn điều lệ).

3. Trình tự, thủ tục và thẩm quyền quyết định tăng vốn điều lệ của Công ty được thực hiện theo quy định đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

4. Khi xác định nhu cầu vốn điều lệ cần tăng thêm để phục vụ hoạt động kinh doanh xổ số thì ngoài các dự án đầu tư phục vụ cho hoạt động kinh doanh xổ số, Công ty được tính số vốn cần thiết để sử dụng trả thưởng cho khách hàng đối với các loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật.

5. Đối với doanh nghiệp nhà nước thực hiện điều chỉnh giảm mức vốn điều lệ thì cơ quan đại diện chủ sở hữu doanh nghiệp báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định xử lý giá trị vốn điều lệ giảm.

6. Công ty có trách nhiệm quản lý, sử dụng có hiệu quả toàn bộ số vốn, tài sản do Chủ sở hữu đầu tư và các nguồn vốn hợp pháp khác để phục vụ cho hoạt động kinh doanh, các hoạt động liên quan trực tiếp đến kinh doanh xổ số theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Bảo toàn vốn

Công ty có trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn bằng các biện pháp sau:

- Thực hiện đúng chế độ quản lý sử dụng vốn, tài sản, phân phối thu nhập, chế độ quản lý tài chính và chế độ kế toán theo quy định của Nhà nước, Điều lệ công ty và Quy chế này.

- Xử lý kịp thời giá trị tài sản tồn thất theo điểm a Khoản 2 Điều 14 của Quy chế này.

- Các biện pháp khác về bảo toàn vốn tại công ty 100% vốn Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Huy động và bổ sung vốn

- Huy động vốn: Theo quy định tại điều 23 luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và điều lệ công ty.

- Bổ sung vốn nhà nước: Đối với tài sản tiếp nhận từ nơi khác chuyển đến được đầu tư bằng nguồn vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước, Công ty căn cứ vào quyết định điều chuyển tài sản của cấp có thẩm quyền thực hiện ghi tăng vốn nhà nước tại Công ty và thực hiện điều chỉnh lại Vốn điều lệ trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014.

Điều 9. Đầu tư vốn ra ngoài Công ty

1. Công ty chỉ được quyền sử dụng vốn, tài sản thuộc quyền quản lý, đầu tư ra bên ngoài Công ty đối với các ngành nghề liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh xổ số của Công ty.

2. Việc đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác phải tuân thủ quy định của pháp luật, phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển của Công ty, đảm bảo có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư và được sự chấp thuận của Chủ sở hữu.

3. Không được góp vốn hoặc đầu tư vào lĩnh vực bất động sản; góp vốn, mua cổ phần tại ngân hàng; công ty bảo hiểm; công ty chứng khoán; đồng thời, không được tham gia góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp khác mà người quản lý, điều hành hoặc người sở hữu chính của doanh nghiệp đó là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Công ty.

4. Nguyên tắc, hình thức, điều kiện, giới hạn đầu tư vốn ra ngoài Công ty và thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

5. Chủ sở hữu kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

Chương III

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN TẠI CÔNG TY

Điều 10. Tài sản của Công ty

- Tài sản của Công ty bao gồm tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn được hình thành từ vốn điều lệ, vốn vay của các tổ chức tín dụng và các nguồn vốn khác.

- Việc mua sắm, đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng tài sản cố định phải tuân thủ theo quy định hiện hành của Nhà nước và Điều lệ công ty.

Điều 11. Đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định của Công ty

Việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định thực hiện theo quy định tại Điều 24 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, trong đó:

1. Đối với đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định, phương tiện đi lại (xe ô tô) phục vụ công tác và hoạt động chung của Công ty, phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về xây dựng, về đấu thầu, các quy định khác của pháp luật có liên quan và các Quy chế của Công ty...

2. Thẩm quyền quyết định dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định của Công ty:

a) Chủ tịch Công ty quyết định phương án, dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định có giá trị không quá 50% vốn Chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất, sau khi báo cáo Chủ sở hữu. Trường hợp phương án, dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định có giá trị lớn hơn 50% vốn Chủ sở hữu thì Chủ tịch Công ty báo cáo Chủ sở hữu Công ty xem xét, quyết định;

b) Phân cấp cho Giám đốc triển khai, thực hiện mua sắm tài sản cố định theo quy định;

c) Người quyết định đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật nếu việc đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định không đúng thẩm quyền, không phù hợp hoặc lạc hậu kỹ thuật, không sử dụng được, sử dụng không hiệu quả.

3. Việc trang bị hoặc thay thế phương tiện đi lại phục vụ công tác cho các chức danh lãnh đạo và phục vụ công tác chung đảm bảo đúng tiêu chuẩn, định mức mua sắm, sử dụng phục vụ công tác đảm bảo công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả theo quy định hiện hành.

Điều 12. Quản lý, sử dụng tài sản cố định

1. Công ty có trách nhiệm xây dựng, ban hành, thực hiện Quy chế quản lý và sử dụng tài sản cố định trong quá trình hoạt động kinh doanh theo đúng quy định về quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

2. Quy chế quản lý và sử dụng tài sản cố định của Công ty ban hành phải quy định rõ việc phối hợp giữa các bộ phận và trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân liên quan trong việc theo dõi, quản lý và sử dụng tài sản của Công ty.

3. Công ty được quyền cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản cố định theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn; nhượng bán, thanh lý tài sản cố định đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng, không sử dụng được hoặc sử dụng không hiệu quả để thu hồi vốn theo quy định.

Điều 13. Khấu hao tài sản cố định

1. Nguyên tắc trích khấu hao

Tất cả các tài sản cố định hiện có của Công ty đều phải trích khấu hao trừ một số tài sản cố định sau:

a) Tài sản cố định đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn đang sử dụng vào hoạt động kinh doanh.

b) Tài sản cố định khấu hao chưa hết bị mất.

c) Tài sản cố định khác do Công ty quản lý mà không thuộc quyền sở hữu của Công ty (*trừ tài sản cố định thuê tài chính*).

d) Tài sản cố định không được quản lý, theo dõi, hạch toán trong sổ sách kế toán của Công ty.

đ) Tài sản cố định sử dụng trong các hoạt động phúc lợi phục vụ người lao động của Công ty.

e) Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất lâu dài hợp pháp, phần mềm máy tính.

2. Chế độ quản lý, sử dụng và thời gian trích khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Điều 14. Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

1. Công ty được quyền chủ động thực hiện nhượng bán, thanh lý tài sản cố định đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được để thu hồi vốn trên nguyên tắc công khai, minh bạch, bảo toàn vốn.

2. Thẩm quyền quyết định việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

a) Chủ tịch Công ty quyết định các phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị còn lại dưới 50% vốn Chủ sở hữu ghi trên bảng cân đối kế toán trong báo cáo tài chính quý hoặc năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định. Các phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị còn lại lớn hơn mức phân cấp nêu trên, Chủ tịch Công ty trình Chủ sở hữu xem xét, quyết định;

b) Phân cấp cho Giám đốc Công ty quyết định các phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định theo từng trường hợp cụ thể. Việc phân cấp phải được thể hiện bằng văn bản;

c) Trường hợp phương án nhượng bán tài sản cố định không có khả năng thu hồi đủ vốn đã đầu tư, Công ty phải giải trình rõ nguyên nhân không có khả năng thu hồi vốn báo cáo Chủ sở hữu và Sở Tài chính trước khi nhượng bán tài sản cố định để thực hiện việc giám sát;

d) Trường hợp tài sản cố định mới đầu tư, mua sắm đã hoàn thành đưa vào sử dụng trong thời gian 03 năm đầu, nhưng không đạt hiệu quả kinh tế theo dự án đã được phê duyệt, Công ty không có nhu cầu tiếp tục khai thác sử dụng mà việc nhượng bán tài sản không có khả năng thu hồi đủ vốn, tùy theo mức độ, làm rõ trách nhiệm của những người có liên quan để báo cáo Chủ sở hữu xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Phương thức thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

a) Việc nhượng bán tài sản cố định được thực hiện bằng hình thức đấu giá thông qua một tổ chức có chức năng bán đấu giá tài sản hoặc do Công ty tự tổ chức thực hiện công khai theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản;

b) Trường hợp nhượng bán tài sản cố định có giá trị còn lại ghi trên sổ kế toán dưới một trăm (100) triệu đồng, Giám đốc Công ty quyết định lựa chọn bán theo phương thức đấu giá hoặc thỏa thuận nhưng không thấp hơn giá thị trường;

c) Trường hợp tài sản cố định không có giao dịch trên thị trường thì Công ty được thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định giá làm cơ sở nhượng bán tài sản theo các phương thức trên;

d) Trường hợp chuyển nhượng tài sản cố định gắn liền với đất phải thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai

4. Trình tự, thủ tục thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

Chủ tịch công ty quyết định thành lập Hội đồng kiểm kê, thanh lý và nhượng bán tài sản. Nhiệm vụ của Hội đồng kiểm kê, thanh lý và nhượng bán tài sản của Công ty:

- Xác định thực trạng về kỹ thuật, giá trị còn lại của tài sản thanh lý, nhượng bán;

- Xác định nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể, cá nhân liên quan đến tài sản cố định đầu tư không mang lại hiệu quả phải nhượng bán nhưng không có khả năng thu hồi vốn hoặc chưa khấu hao hết đã hư hỏng không còn sử dụng được phải thanh lý, nhượng bán, tùy theo mức độ, báo cáo Chủ sở hữu xử lý;

- Tham mưu đề xuất Chủ tịch Công ty việc tổ chức xác định hoặc thuê tổ chức có đủ chức năng thẩm định giá để xác định giá trị;

- Tham mưu đề xuất Chủ tịch Công ty tổ chức bán đấu giá hoặc thuê tổ chức có đủ chức năng bán đấu giá để thanh lý, nhượng bán tài sản;

- Thực hiện việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định theo quy định của Nhà nước.

Điều 15. Kiểm kê tài sản

1. Công ty phải tổ chức kiểm kê định kỳ hoặc đột xuất để xác định giá trị tài sản, số lượng tài sản (*tài sản cố định và đầu tư dài hạn, tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn*), đối chiếu các khoản công nợ phải thu, phải trả trong các trường hợp:

- Khi khóa sổ kế toán để lập báo cáo tài chính năm;

- Khi thực hiện quyết định chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi sở hữu;

- Sau khi xảy ra thiên tai, địch họa; hoặc vì lý do nào đó gây ra biến động tài sản của doanh nghiệp;

- Theo quy định của Nhà nước.

Kết quả kiểm kê để thống kê tài sản thừa, thiếu, nợ không có khả năng thu hồi được, nợ quá hạn xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của tổ chức và cá nhân có liên quan và xác định mức bồi thường vật chất theo quy định.

2. Xử lý kiểm kê

a) Xử lý tổn thất tài sản sau kiểm kê

Tồn thất về tài sản là tài sản bị mất mát, thiếu hụt, hư hỏng, kém chất lượng, lạc hậu kỹ thuật, tồn kho ứ đọng được xác định trong kiểm kê định kỳ và kiểm kê đột xuất. Công ty phải xác định giá trị tài sản đã bị tồn thất, xác định nguyên nhân, trách nhiệm và xử lý như sau:

- Nếu do nguyên nhân chủ quan thì người gây ra tồn thất phải bồi thường, xử lý theo quy định của pháp luật. Chủ tịch Công ty quyết định mức bồi thường và chịu trách nhiệm về quyết định của mình theo quy định;

- Tài sản đã mua bảo hiểm nếu tồn thất thì xử lý theo hợp đồng bảo hiểm;

- Giá trị tài sản tồn thất sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể, của tổ chức bảo hiểm, phần thiếu được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ;

- Những trường hợp đặc biệt do thiên tai hoặc do nguyên nhân bất khả kháng gây thiệt hại nghiêm trọng, Công ty không thể tự khắc phục được thì Giám đốc lập phương án xử lý tồn thất báo cáo Chủ tịch Công ty trình Sở Tài chính và Chủ sở hữu xem xét quyết định. Sau khi có ý kiến của Sở Tài chính, Chủ sở hữu quyết định xử lý tồn thất theo thẩm quyền;

- Công ty có trách nhiệm xử lý kịp thời các khoản tồn thất tài sản; trường hợp để các khoản tồn thất tài sản không được xử lý (hoặc trường hợp báo cáo không trung thực tình hình quản lý tài sản doanh nghiệp) thì Chủ tịch Công ty chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu.

b) Tài sản thừa sau kiểm kê

Tài sản thừa sau kiểm kê là chênh lệch giữa số tài sản thực tế kiểm kê với số tài sản ghi trên sổ sách kế toán, giá trị tài sản thừa do kiểm kê được hạch toán vào thu nhập của doanh nghiệp.

Điều 16. Đánh giá lại tài sản

1. Công ty thực hiện đánh giá lại tài sản trong các trường hợp sau:

- Theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Thực hiện chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp: cổ phần hóa, bán hoặc chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp theo các hình thức khác;

- Dùng tài sản để đầu tư ra ngoài Công ty;

- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc đánh giá lại tài sản phải theo đúng các quy định của Nhà nước. Các khoản chênh lệch tăng hoặc giảm giá trị do đánh giá lại tài sản nêu tại Khoản 1 Điều này, thực hiện theo quy định đối với từng trường hợp cụ thể.

Điều 17. Thành lập các hội đồng

Hội đồng nhượng bán tài sản, Hội đồng thanh lý tài sản, Hội đồng kiểm kê tài sản, Hội đồng nghiệm thu, Hội đồng đánh giá lại tài sản do Chủ tịch công

ty hoặc Giám đốc quyết định trong phạm vi thẩm quyền, nếu ngoài phạm vi thẩm quyền thì báo cáo Chủ sở hữu quyết định.

Điều 18. Quản lý hàng hóa tồn kho

1. Hàng hóa tồn kho là vé số.
2. Công ty được quyền chủ động và chịu trách nhiệm xử lý ngay những hàng hóa tồn kho kém chất lượng, mất phẩm chất, ứ đọng, chậm luân chuyển để thu hồi vốn.
3. Cuối kỳ kế toán, khi giá gốc hàng tồn kho ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thu hồi được thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Điều 19. Quản lý nợ phải thu, nợ phải trả

1. Nợ phải thu, phải trả theo Điều 26, 27 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.
2. Thực hiện theo quy định của pháp luật và Quy chế quản lý nợ của Công ty do Chủ tịch công ty ban hành.

Điều 20. Quản lý tiền mặt tại quỹ

- Đơn vị được chủ động thu, chi bằng tiền mặt, theo quy chế quản lý nội bộ do Công ty ban hành theo các quy định hiện hành của Nhà nước. Mọi khoản thu, chi tiền mặt phải đúng đối tượng và phải lập phiếu thu, phiếu chi. Nghiêm cấm hành vi thủ quỹ chi tiền mặt khi chưa có phiếu chi.

- Đơn vị phải chịu trách nhiệm bảo quản an toàn tiền mặt tại quỹ. Kết đọng tiền phải để tại nơi an toàn, đảm bảo phòng cháy chữa cháy tốt, tránh ẩm mốc, nước tràn. Khi tiền mặt tồn quỹ bị mất trộm các đơn vị phải lập ngay biên bản đồng thời báo cáo với cơ quan Công an và lãnh đạo Công ty.

- Phòng Kế toán tài vụ được phép tiến hành kiểm quỹ tiền mặt đột xuất khi cần thiết để báo cáo lãnh đạo Công ty.

- Khi kết thúc tháng, quý, năm, các đơn vị phải tiến hành kiểm quỹ tiền mặt, lập biên bản và đối chiếu số liệu giữa thực tế và sổ sách.

Điều 21. Quản lý tiền gửi ngân hàng

- Chủ động mở tài khoản giao dịch tại các ngân hàng để phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của đơn vị và chịu trách nhiệm về việc mở tài khoản giao dịch tại đơn vị. Trước khi mở tài khoản, đơn vị phải đánh giá khả năng quản lý của mình, đồng thời xem xét để lựa chọn ngân hàng có khả năng đáp ứng tốt nhu cầu giao dịch và bảo toàn tiền gửi cho đơn vị.

- Công ty ban hành quy chế thu chi theo các quy định hiện hành của Nhà nước. Mọi khoản thu, chi qua tài khoản phải đúng đối tượng. Nghiêm cấm hành vi thu, chi qua tài khoản ngân hàng khi chưa có chứng từ.

Chương IV

QUẢN LÝ DOANH THU, THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ

Điều 22. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu và thu nhập khác của Công ty được xác định phù hợp với các chuẩn mực kế toán và các văn bản pháp luật về thuế hiện hành, bao gồm:

1. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh xổ số: là toàn bộ số tiền bán vé xổ số truyền thống và các loại hình xổ số khác đã được xác định là tiêu thụ trong kỳ.

Doanh thu kinh doanh xổ số được xác định dưới 02 hình thức: Doanh thu chưa có thuế (chưa có thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt) để xác định kết quả kinh doanh của Công ty. Doanh thu có thuế (có thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt) để xác định làm cơ sở chi hoa hồng đại lý; trích lập dự phòng rủi ro trả thưởng; chi phòng, chống số đề và vé số giả.

2. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác ngoài hoạt động kinh doanh xổ số: là toàn bộ số tiền phải thu phát sinh trong kỳ từ việc bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ của Công ty được pháp luật cho phép.

3. Doanh thu từ hoạt động tài chính bao gồm: Các khoản thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng; thu nhập từ việc đầu tư công trái, trái phiếu, tín phiếu; lợi nhuận, cổ tức được chia từ việc đầu tư ra ngoài công ty; thu từ chuyển nhượng vốn của Công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác.

4. Thu nhập khác là các khoản thu từ các hoạt động không thường xuyên, gồm: thu về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định; thu tiền bán vé số đã hủy; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa nợ tính vào chi phí kỳ trước; nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; khoản thu nhập của năm trước hạch toán thiếu; thu nhập từ việc cung cấp thông tin kết quả mở thưởng cho các Công ty dịch vụ; các khoản thu hợp lệ khác.

Điều 23. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

1. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh xổ số: là toàn bộ số tiền bán vé xổ số phải thu phát sinh trong kỳ đã được xác định là tiêu thụ trong kỳ.

2. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác ngoài hoạt động kinh doanh xổ số: là toàn bộ số tiền phải thu phát sinh trong kỳ từ việc bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ của Công ty.

3. Doanh thu từ hoạt động tài chính: hạch toán vào doanh thu khi hoạt động kinh tế phát sinh, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

4. Thu nhập khác: hạch toán vào doanh thu khi có bằng chứng khách hàng chấp nhận thanh toán, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

Điều 24. Chi phí

Chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty: Là toàn bộ các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh trong năm tài chính. Việc xác định chi phí được thực hiện phù hợp với các chuẩn mực kế toán và các văn bản pháp luật về thuế hiện hành; bao gồm các khoản chi phí sau:

1. Chi phí sản xuất kinh doanh

a) Chi phí mua nguyên vật liệu, nhiên liệu, dịch vụ mua ngoài (*tính theo mức tiêu hao thực tế và giá gốc thực tế*); chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ lao động; chi phí sửa chữa tài sản cố định; chi phí trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định;

b) Chi phí khấu hao tài sản cố định sử dụng cho hoạt động kinh doanh thực hiện theo quy định về quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định;

c) Chi phí tiền lương, tiền công và các khoản chi phí có tính chất lương (*kể cả chi tiền làm thêm giờ, chi phụ cấp kiêm nhiệm các Phòng, Ban, Hội đồng do Công ty quyết định thành lập*) phải trả cho người lao động do Chủ tịch Công ty quyết định theo pháp luật, hướng dẫn của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội và Quy chế quản lý lao động tiền lương và Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty;

d) Chi phí về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn, bảo hiểm y tế cho người lao động mà Công ty phải nộp theo quy định;

đ) Chi phí giao dịch, môi giới, khánh tiết, tiếp khách, tiếp thị, xúc tiến thương mại, quảng cáo; tài trợ các cơ quan, tổ chức khác quảng cáo về hình ảnh của Công ty, khuyến mại được phép chi, hội họp và các khoản chi phí liên quan khác tính theo chi phí thực tế phát sinh trên nguyên tắc quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

e) Chi phí bằng tiền khác gồm:

- Các khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Tiền thuê đất, thuê tài sản để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;

- Trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động theo chế độ quy định;

- Đào tạo nâng cao năng lực quản lý, tay nghề của người quản lý và người lao động theo quy chế đào tạo, bồi dưỡng về chính trị, nghiệp vụ chuyên môn đối với người quản lý và lao động của Công ty;

- Chi cho công tác y tế;

- Thường sáng kiến cải tiến, thường tăng năng suất lao động, thường tiết kiệm vật tư và chi phí. Mức thưởng do Chủ tịch Công ty quyết định theo đề nghị của Giám đốc và căn cứ vào hiệu quả mang lại, nhưng không được cao hơn số tiết kiệm chi phí do công việc đó mang lại trong 01 năm;

- Chi trang phục cho người quản lý, lao động của Công ty và Hội đồng Giám sát xố số theo chế độ quy định;

- Chi phí cho lao động nữ theo chế độ quy định;

- Chi phí cho công tác bảo vệ môi trường;

- Chi phí ăn giữa ca theo chế độ quy định;

- Chi phí hỗ trợ cho công tác Đảng, Đoàn thể tại Công ty;

- Chi phí hợp đồng vận chuyển vé số cho đại lý; chi phí nhiên liệu cho cán bộ nhân viên làm công tác trực tiếp phát hành và đại lý xố số tham dự Hội nghị tổng kết hàng năm;

- Chi mua bảo hiểm nhân thọ cho người quản lý, người lao động phải được ghi cụ thể điều kiện hưởng và mức hưởng tại thỏa ước lao động tập thể;

- Chi tài trợ cho giáo dục; y tế; khắc phục hậu quả thiên tai; xây dựng nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết, nhà cho hộ nghèo, các đối tượng chính sách theo quy định của pháp luật; các khoản tài trợ theo chương trình của Nhà nước dành cho các địa phương thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định;

- Chi tài trợ cho Quỹ vì người nghèo, quỹ an sinh xã hội; các khoản tài trợ theo chương trình an sinh xã hội, biển đảo, cầu, đường dân sinh,...trong tỉnh sau khi có ý kiến của Chủ sở hữu;

- Giá trị tài sản tổn thất thực tế sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể, của tổ chức bảo hiểm, phần thiếu được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ;

- Giá trị các khoản dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho, dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính, dự phòng trả thưởng, các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật;

- Chi phí hoạt động tài chính, bao gồm: các khoản chi liên quan đến lãi vay các tổ chức tín dụng, đầu tư tài chính ra ngoài công ty (bao gồm các khoản chi phí do các bên góp vốn phải tự chi kể cả khoản lỗ được chia từ doanh nghiệp góp vốn); dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn;

- Chi phí có tính chất phúc lợi chi trực tiếp cho người lao động. Tổng số chi không quá 01 tháng lương bình quân thực tế thực hiện trong năm tài chính;

- Chi quà tặng cho tổ chức, cá nhân có đóng góp vào việc hoàn thành nhiệm vụ của Công ty; chi cho gia đình chính sách, cán bộ hưu trí nhân dịp lễ, tết;

- Các khoản chi khác được phép theo quy định hiện hành.

2. Chi phí khác, bao gồm:

- Chi phí nhượng bán, thanh lý tài sản cố định gồm cả giá trị còn lại của tài sản cố định khi thanh lý, nhượng bán;

- Chi phí cho việc thu hồi các khoản nợ đã xóa sổ kế toán;

- Chi phí để thu tiền phạt;

- Chi phí về tiền phạt do vi phạm hợp đồng;

- Các chi phí khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi phí trả thưởng

Là số tiền thực tế trả cho người trúng thưởng đối với vé xổ số trúng thưởng theo quy định của pháp luật.

4. Chi hoa hồng đại lý cho các đại lý xổ số

- Mức chi hoa hồng đại lý cho các đại lý xổ số theo quy định hiện hành và được ghi trong hợp đồng giữa Công ty với đại lý xổ số;

- Công ty chỉ thanh toán tiền hoa hồng đại lý cho đại lý xổ số sau khi đã hoàn tất việc xác nhận số lượng vé xổ số đại lý đó đã tiêu thụ được trong kỳ và đại lý xổ số đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đã ghi trong hợp đồng đại lý đã ký với Công ty;

- Công ty có trách nhiệm khấu trừ tiền thuế thu nhập cá nhân phải nộp phải nộp của các đại lý xổ số theo quy định trước khi thanh toán tiền hoa hồng cho đại lý (nếu có).

5. Chi phí quay số mở thưởng

a) Chi phí cho công tác quay số mở thưởng gồm: Người quay số, người đọc kết quả xổ số, người tổng hợp kết quả...

b) Chi công tác bảo vệ buổi quay số mở thưởng.

6. Chi cho công tác giám sát xổ số

a) Các khoản chi cho thành viên Hội đồng Giám sát xổ số (kể cả người được ủy quyền) được tính theo định mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với cán bộ, công chức theo chế độ quy định do Chủ sở hữu Công ty phê duyệt trên cơ sở đề xuất của Sở Tài chính và Công ty.

Lãnh đạo công ty thực hiện công tác giám sát việc thu hồi vé xổ số tự chọn vào ngày nghỉ hàng tuần, ngày lễ, Tết được chi như các thành viên Hội đồng Giám sát xổ số.

b) Định mức thù lao được xác định theo nguyên tắc phù hợp với nội dung công việc thực hiện và nâng cao trách nhiệm của các thành viên trong việc thực thi nhiệm vụ giám sát. Căn cứ thanh toán được tính theo định mức thù lao đã được chủ sở hữu Công ty phê duyệt và số ngày công số buổi thực tế tham gia giám sát của các thành viên.

7. Chi phí hỗ trợ công tác phòng chống số đề, làm vé số giả

a) Nguyên tắc chi

- Hỗ trợ trực tiếp cho cơ quan Công an và các cơ quan có liên quan tại địa phương hoặc trên địa bàn tổ chức hoạt động kinh doanh để thực hiện công tác điều tra, khám phá, thụ lý các vụ án số đề, làm vé số giả;

- Phù hợp với khả năng tài chính của Công ty kinh doanh xổ số;

- Có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp, hợp lệ theo quy định pháp luật;

- Căn cứ chi là các bản sao bản án của Tòa án nhân dân, quyết định khởi tố vụ án hoặc quyết định xử phạt vi phạm hành chính và biên lai nộp tiền phạt.

b) Mức chi và tổng mức chi

- Mức chi đối với các vụ án đã có bản án của Tòa án nhân dân tối đa là 50 triệu đồng/vụ án;

- Mức chi đối với các vụ việc đã có quyết định xử phạt vi phạm hành chính và biên lai nộp tiền phạt của người vi phạm tối đa bằng 50% số tiền xử phạt vi phạm hành chính nhưng không vượt quá 15 triệu đồng/vụ;

- Tổng mức chi tối đa trong năm tài chính không vượt quá 1% doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số đã có thuế của Công ty;

Căn cứ vào điều kiện tài chính thực tế và mức chi hỗ trợ cho từng vụ án, Giám đốc quyết định mức hỗ trợ cụ thể đảm bảo các khoản chi theo quy định và phù hợp với năng lực tài chính công ty tại thời điểm hỗ trợ.

8. Chi phí trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng

- Tại thời điểm trích lập, Công ty không bị lỗ và có tỷ lệ trả thưởng thực tế nhỏ hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch theo quy định của pháp luật về kinh doanh xổ số;

- Tại thời điểm trích lập, tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng của doanh nghiệp kinh doanh xổ số hoạt động kinh doanh tối đa không được vượt quá 10% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập;

- Công ty được tạm trích lập theo quý và thực hiện quyết toán khi kết thúc năm tài chính nếu đủ điều kiện trích lập theo quy định;

- Công ty sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng để trả thưởng khi tỷ lệ trả thưởng thực tế trong kỳ lớn hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch. Trường hợp quỹ

dự phòng trả thưởng không còn đủ để chi thì phần trả thưởng thực tế còn lại được tính vào chi phí kinh doanh. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang năm sau. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng đã trích lập trong kỳ vượt giới hạn quy định thì phải hoàn nhập vào thu nhập khác.”

9. Chi phí về vé xổ số

a) Chi phí phát hành: là các khoản chi bao gồm chi phí in vé xổ số theo giá thanh toán thực tế với cơ sở in, chi phí vận chuyển, xếp dỡ, bảo quản, phụ phí hợp lệ (nếu có) trên cơ sở hợp đồng kinh tế giữa Công ty và cơ sở in;

b) Chi phí vận chuyển phân phối vé xổ số, chi phí công tác thu hồi vé xổ số không tiêu thụ hết chi theo thực tế hoặc theo hợp đồng.

10. Chi phí thông tin vé xổ số và quay số mở thưởng, kết quả mở thưởng: là các khoản chi để đưa thông tin kết quả mở thưởng trên đài phát thanh, truyền hình và các phương tiện thông tin đại chúng khác; chi phí in tờ rơi về thể lệ trả thưởng, kết quả mở thưởng phục vụ khách hàng và đại lý. Căn cứ chi là hợp đồng kinh tế, hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo chế độ quy định.

11. Chi phí đóng góp hoạt động của Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực và các quỹ của Hiệp hội trong tỉnh.

Mức đóng góp theo quy định của Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực và các khoản tài trợ cho Hiệp hội. Căn cứ chi là chứng từ hợp lý, hợp lệ theo quy định.

Điều 25. Nguyên tắc ghi nhận và quản lý chi phí

1. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

a) Công ty chỉ được hạch toán vào chi phí các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh trong năm tài chính;

b) Việc xác định chi phí của Công ty được thực hiện phù hợp với chuẩn mực kế toán và các văn bản pháp luật về thuế hiện hành.

2. Nguyên tắc quản lý chi phí

Chi phí của Công ty phải được quản lý chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật, tiết kiệm chi phí, tăng lợi nhuận, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

3. Phân cấp trong quản lý, sử dụng chi phí của Công ty

a) Chủ tịch Công ty

- Quyết định ban hành các quy chế, định mức có liên quan đến quản lý, sử dụng chi phí như: Quy chế chi tiêu nội bộ và các quy định liên quan khác, ... nhằm sử dụng chi phí đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm;

- Kiểm tra, giám sát việc triển khai, tổ chức thực hiện các quy chế, định mức có liên quan đến quản lý, sử dụng chi phí.

b) Giám đốc Công ty

- Tổ chức triển khai và điều hành các hoạt động của Công ty, thực hiện các quy chế, định mức có liên quan đến quản lý, sử dụng chi phí do Chủ tịch công ty ban hành. Đồng thời triển khai, phổ biến, công khai cho người lao động trong Công ty biết để thực hiện và kiểm tra, giám sát;

- Báo cáo Chủ tịch công ty các khoản chi phát sinh không có trong Quy chế mà thực hiện làm tăng chi phí và phải phân tích rõ nguyên nhân, đề xuất phương án xử lý trên cơ sở quy định của pháp luật;

- Phê duyệt, sử dụng chi phí hoặc ủy quyền cho Phó giám đốc phê duyệt việc sử dụng chi phí theo định mức nhất định và được ghi trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty hoặc bằng văn bản theo từng trường hợp cụ thể.

c) Phòng Kế toán - Tài chính:

Chịu trách nhiệm quản lý, theo dõi và hạch toán chi phí kinh doanh đúng quy định pháp luật về thuế và chế độ kế toán hiện hành.

Điều 26. Xử lý kinh doanh thua lỗ

Trong trường hợp kinh doanh thua lỗ (*do điều kiện khách quan hoặc do trả thưởng vượt kế hoạch*), Giám đốc đề xuất các giải pháp cấp bách trình Chủ tịch công ty quyết định hoặc báo cáo Chủ sở hữu.

Chương V

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ

Điều 27. Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ

Lợi nhuận của Công ty sau khi bù đắp lỗ của năm trước, trích quỹ Phát triển khoa học và công nghệ, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định. Lợi nhuận còn lại được phân phối như sau:

1. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế.

2. Số lợi nhuận còn lại sau khi trừ đi quy định tại Khoản 1 Điều này được phân phối như sau:

a) Trích tối đa 30% vào Quỹ đầu tư phát triển (*Cho đến khi đầu tư đủ vốn điều lệ thì không được trích Quỹ đầu tư phát triển*).

b) Trích lập Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi

- Công ty xếp loại A được trích 03 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;

- Công ty xếp loại B được trích 1,5 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;

- Công ty xếp loại C được trích 01 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;

- Nếu không thực hiện xếp loại thì không được trích lập hai quỹ khen thưởng, phúc lợi.

Chủ tịch Công ty quyết định việc phân bổ Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi trên cơ sở đề xuất của Giám đốc công ty và sau khi thống nhất ý kiến của Ban chấp hành Công đoàn cơ sở Công ty.

c) Trích quỹ thưởng người quản lý Công ty, Kiểm soát viên.

- Công ty xếp loại A được trích 1,5 tháng lương thực hiện của người quản lý Công ty, Kiểm soát viên;

- Công ty xếp loại B được trích 01 tháng lương thực hiện của người quản lý Công ty, Kiểm soát viên;

- Công ty xếp loại C hoặc không thực hiện xếp loại thì không được trích lập quỹ thưởng người quản lý Công ty, Kiểm soát viên.

d) Trường hợp Công ty trích các quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý mà không đủ mức theo quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản này thì được giảm trừ phần trích lập Quỹ đầu tư phát triển để bổ sung nguồn quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý theo mức quy định nhưng tối đa không vượt quá mức trích vào Quỹ đầu tư phát triển trong năm tài chính.

3. Sau khi trích lập các quỹ theo quy định tại khoản 2 Điều này, phần lợi nhuận còn lại nộp vào ngân sách nhà nước tỉnh Hưng Yên. Trường hợp Công ty chưa được bổ sung đủ vốn điều lệ theo phương án được phê duyệt, thì có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh (*Chủ sở hữu*) xem xét trích một phần lợi nhuận để bổ sung vốn điều lệ.

Điều 28. Mục đích sử dụng các quỹ của Công ty

Việc sử dụng các Quỹ của Công ty phải đúng mục đích, đúng đối tượng.

1. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để thực hiện các dự án đầu tư phát triển của Công ty và bổ sung vốn điều lệ cho Công ty. Căn cứ vào nhu cầu đầu tư và khả năng của Quỹ, Chủ tịch Công ty quyết định hình thức và biện pháp đầu tư theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn.

2. Quỹ khen thưởng được dùng để

a) Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của người quản lý và người lao động trong Công ty; không thưởng cho người quản lý Công ty, Kiểm soát viên do Nhà nước bổ nhiệm (*trừ khoản thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng*);

b) Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong Công ty;

c) Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, cho công tác quản lý của Công ty;

Mức thưởng theo quy định tại các điểm a, b và c khoản này do Chủ tịch Công ty quyết định theo đề nghị của Giám đốc. Riêng điểm a khoản này phải có ý kiến của Ban chấp hành Công đoàn cơ sở Công ty trước khi quyết định.

3. Quỹ phúc lợi được dùng để

a) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty;

b) Chi cho các hoạt động phúc lợi của tập thể người lao động trong Công ty;

c) Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng;

d) Sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa hoặc làm công tác từ thiện xã hội;

đ) Chủ tịch Công ty quyết định việc sử dụng quỹ phúc lợi trên cơ sở đề xuất của Giám đốc và sau khi thống nhất ý kiến của Ban chấp hành Công đoàn cơ sở Công ty;

e) Chi theo Thỏa ước lao động tập thể.

4. Quỹ thưởng người quản lý được sử dụng để thưởng cho đối tượng là: Chủ tịch Công ty, Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng. Mức thưởng do Chủ sở hữu quyết định gắn với tiêu chí đánh giá các chức danh này và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty, trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Công ty.

5. Việc sử dụng các quỹ nói trên phải thực hiện công khai theo Quy chế công khai tài chính. Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế dân chủ ở cơ sở và quy định của Nhà nước.

6. Công ty chỉ được chi các quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý Công ty sau khi thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

Chương VI

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, THỐNG KÊ, KIỂM TOÁN VÀ BÁO CÁO

Điều 29. Kế hoạch tài chính

1. Căn cứ vào định hướng chiến lược, kế hoạch phát triển, Công ty xây dựng kế hoạch tài chính dài hạn và hằng năm theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ quy định về đầu tư vốn nhà nước vào doanh

nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp. Chỉ tiêu và mẫu biểu lập kế hoạch tài chính hằng năm thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Chủ tịch Công ty phê duyệt, Giám đốc Công ty tổ chức thực hiện và đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh của năm báo cáo và lập kế hoạch tài chính năm kế tiếp gửi Chủ sở hữu Công ty và Sở Tài chính trước ngày 31 tháng 7 hàng năm.

Điều 30. Chế độ kế toán, thống kê

1. Công ty thực hiện chế độ kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật hiện hành. Phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác, khách quan các hoạt động tài chính phát sinh trong năm tài chính tại Công ty.

2. Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

3. Chế độ lưu trữ tài liệu liên quan đến công tác tài chính, kế toán.

a) Công ty phải lưu giữ những tài liệu sau tại trụ sở chính của Công ty:

- Sổ sách, chứng từ tài liệu kế toán, báo cáo tài chính hàng năm;
- Báo cáo kiểm toán độc lập, các kết luận của cơ quan Kiểm toán Nhà nước và thanh tra;

- Các tài liệu khác theo quy định.

b) Thời gian lưu trữ, bảo quản theo chế độ quy định của pháp luật.

c) Việc cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày và chứng từ sổ sách kế toán ra bên ngoài Công ty chỉ được thực hiện khi có sự đồng ý của Giám đốc. Các trường hợp liên quan đến Vốn chủ sở hữu và tài sản theo ý kiến của Chủ tịch công ty.

4. Kế toán trưởng

Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán của Công ty theo chế độ và các chuẩn mực về luật kế toán và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch và Giám đốc công ty và trước pháp luật về toàn bộ công tác kế toán tại Công ty.

Điều 31. Báo cáo tài chính và báo cáo khác

1. Định kỳ hàng quý, kết thúc năm, Công ty phải lập, trình bày và gửi các báo cáo tài chính và báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Thời hạn gửi báo cáo: đối với báo cáo quý chậm nhất là mười năm (15) ngày kể từ ngày kết thúc quý, đối với báo cáo năm chậm nhất là mười năm (15) ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp báo cáo theo quy định.

3. Trường hợp Bộ Tài chính, Chủ sở hữu Công ty có yêu cầu thực hiện báo cáo đột xuất, Công ty phải thực hiện việc lập và gửi báo cáo theo yêu cầu.

Điều 32. Kiểm toán, kiểm tra, công khai báo cáo tài chính

1. Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty phải được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

2. Chậm nhất là 15 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả kiểm toán báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán thuế, kết luận thanh tra, Công ty phải gửi báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quyết toán thuế, kết luận thanh tra cho Sở Tài chính Chủ sở hữu và Bộ Tài chính (Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính).

3. Việc công khai báo cáo tài chính 06 tháng và báo cáo tài chính năm của Công ty thực hiện theo quy định hiện hành.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 33. Xử lý vi phạm quy chế quản lý tài chính

Đơn vị, cá nhân nào có vi phạm Quy chế quản lý tài chính của Công ty, tùy theo mức độ vi phạm và mức độ hậu quả gây ra đều phải chịu hình thức kỷ luật tương xứng từ cách cáo, luân chuyển, trừ thưởng hoặc cao hơn theo quy định của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 34. Tổ chức thực hiện

1. Các quy định về đầu tư vốn nhà nước vào Công ty; quản lý, sử dụng vốn và tài sản vào hoạt động kinh doanh, quản lý doanh thu và chi phí, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ của Công ty TNHH một thành viên Xô số kiến thiết Hưng Yên ban hành trước đây trái với quy chế này đều bãi bỏ.

2. Công ty có trách nhiệm xây dựng các quy chế, quy định cụ thể các khoản chi có liên quan đến quản lý tài chính để áp dụng thực hiện trên cơ sở tuân thủ đúng quy định của pháp luật và Quy chế này.

3. Trường hợp có những quy định của pháp luật liên quan đến qui định tài chính của Công ty chưa được quy định tại Quy chế này hoặc trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này được áp dụng để điều chỉnh hoạt động tài chính của Công ty.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy chế này, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có điều khoản nào chưa phù hợp thì Chủ tịch công ty phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./